

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2021/HS-ST

Ngày: 22/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Châu

Ông Trần Đại Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn T là Thư ký Tòa án - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 59/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/2021/TB-TA ngày 18 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Mai Đức Q (tên gọi khác: C), sinh năm 1985 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố L, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn N (Chết) và bà Kiều Thị H (1968); có vợ Võ Thị Hồng Q1 (1982) không đăng ký kết hôn và chưa có con; bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có ba anh em; tiền án: Ngày 09/3/2004, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”, theo Bản án số 92/2004/HS-ST, chấp hành xong ngày 03/10/2008; Ngày 07/7/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (Sáu) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 208/2014/HS-PT, chấp hành xong ngày 01/9/2017; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/11/2019 đến ngày 04/12/2019 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

2. Lê Thanh T (tên gọi khác: G), sinh năm 1990 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Khu phố P, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Th (Chết) và bà Lê Thị P (1965); có vợ Phan Thị Hồng H1 (1992) đã ly hôn và chưa có con; bị cáo là con thứ hai trong gia đình có ba chị em; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14/11/2007, bị Tòa án nhân dân

tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (Hai) năm tù về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 344/2007/HS-ST, chấp hành xong ngày 21/9/2008; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/11/2019 đến ngày 03/12/2019 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

3. Bảo Th2 (tên gọi khác: Nh), sinh năm 1990 tại Đồng Nai; nơi cư trú: Số 186/6, khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vĩnh T2 (1952) và bà Lê Thị H2 (1955); có vợ Nguyễn Thị Kim Th3 (1992) và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có sáu chị em; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/3/2020 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. (Có mặt)

- *Bị hại:* Anh Bùi Văn T1 sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

1. Chị Võ Thị Hồng Q1 sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn D, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Chị Bùi Thị H3 sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Thanh L sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

4. Anh Hà Huy Đ sinh năm 2001

Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Mai Đức Q có mâu thuẫn với anh Bùi Văn T1 về việc Q có cho anh T1 mượn số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) nhưng anh T1 không trả nên vào chiều ngày 23/11/2019, Q rủ Lê Thanh T đi đến phòng trọ tại khu vực ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai để tìm gặp anh T1 đòi nợ. Khi đi, Q mang theo một con dao tự chế có lưỡi bằng inox dài khoảng 60cm, cán bằng gỗ dài 20cm và một cây súng bằng kim loại giống súng ngắn hiệu Arisoft gas M1911 và di chuyển bằng taxi (không xác định được tài xế, biển số xe); còn T nhờ Bảo Th2 sử dụng xe mô tô (không xác định được biển số) chở T. Khi đến nơi, Q đưa cho T một con dao tự chế do Q mang theo để T sử dụng cùng Q vào gặp anh T1 đòi nợ. Anh T1 nhìn thấy Q và T nên bỏ chạy, T đuổi theo anh T1 dùng dao hăm dọa nên anh T1 đứng lại, Q tiếp tục dùng súng hăm dọa anh T1 và yêu cầu anh T1 vào trong nhà trọ của anh T1 nói chuyện để yêu cầu anh T1 trả nợ cho Q. Khi vào trong phòng trọ, Q dùng chân đá một cái và dùng tay tát một cái vào mặt anh T1, dùng súng gõ lên đầu anh T1 mấy cái. Đồng thời, Q yêu cầu anh T1 gọi điện thoại về cho gia đình

xin tiền trả nợ cho Q, anh T1 có gọi nhưng không được. Biết anh T1 không có tiền trả nợ nhưng trước phòng trọ của anh T1 có nhiều gà đá, chim chào mào nên Q nói với T lấy tất cả gà, chim của anh T1 mang về nhà của Q, T làm theo lời Q và T nói Th2 phụ giúp T bỏ năm con gà tre, hai con gà nòi và bảy con chim vào thùng giấy, T và Th2 lấy gà, chim mang ra xe taxi, Q không chế yêu cầu anh T1 lên xe taxi đi cùng Q về nhà của Q. Th2 chở T cầm theo hai lồng chim mang về nhà của Q. Khi về đến nhà của Q, Q cùng T tiếp tục yêu cầu anh T1 gọi điện thoại về nhà để người nhà mang tiền trả nợ cho Q, anh T1 có gọi cho gia đình nhưng không được. Q và T cùng nhau giữ T1 trong phòng khách nhà của Q. Đến 20 giờ 30 phút ngày 24/11/2019, Công an thị trấn Dầu Giây tổ chức lực lượng đến nhà Q bắt T và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T. Đến ngày 25/11/2019, Q đến Công an huyện Thống Nhất để đầu thú về hành vi phạm tội như đã nêu trên và tự nguyện giao nộp con dao do Q đưa cho T để thực hiện hành vi phạm tội.

Theo Kết luận giám định số 1439/C09B ngày 03/3/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Một vật bằng kim loại hình dạng giống súng ngắn, hiệu Airsoft gas M1911, bắn đạn bi sắt (tình trạng bị mất hộp tiếp đạn) là súng đồ chơi nguy hiểm, số hiệu M1911A1 U.S.ARMY No871072. Hiện súng không có hộp tiếp đạn nên không tiến hành bắn thực nghiệm để xác định tính năng, tác dụng.

Đồng thời, Kết luận định giá tài sản số 408/KL-HĐĐG ngày 12/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thống Nhất kết luận: Năm con gà trống (tre) có tổng trọng lượng 5,8kg x 110.000đồng/kg = 638.000đồng; Hai con gà trống (nòi) có tổng trọng lượng 5kg x 110.000 đồng/kg = 550.000đồng; Bảy con chim chào mào (loại chim bồi) x 200.000đồng/con = 1.400.000đồng. Tổng tài sản thiệt hại trong vụ án là 2.588.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Mai Đức Q, Lê Thanh T, Bảo Th2 và những người tham gia tố tụng trong vụ án khai nhận như Cáo trạng đã mô tả.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số 07/CT.VKS-TN ngày 31/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, t, h khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Q; áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Đối với Mai Đức Q: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm h khoản 2 Điều 168; Điều 50; điểm b, h, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Mai Đức Q phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và từ 04 (Bốn) năm đến 04 (Bốn)

năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng đến 05 (Năm) năm 03 (Ba) tháng tù.

+ Đối với Lê Thanh T: Áp dụng khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 168; Điều 50; điểm h, t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Thanh T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và từ 03 (Ba) năm đến 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt của cả hai tội là từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm 02 (Hai) tháng tù.

+ Đối với Bảo Th2: Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Bảo Th2 phạm tội “Cướp tài sản”, xử phạt bị cáo từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Bị hại - anh Bùi Văn T1 và những người làm chứng là chị Võ Thị Hồng Q1, chị Bùi Thị H3, anh Nguyễn Thanh L, anh Hà Huy Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa (anh T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, những người làm chứng vắng mặt không rõ lý do). Do đó, căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Kết luận định giá tài sản, Biên bản bắt

người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 17 giờ ngày 23/11/2019, Mai Đức Q, Lê Thanh T, Bảo Th2 cùng nhau đi đến phòng trọ của anh Bùi Văn T1 tại ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai để tìm anh T1 yêu cầu trả nợ cho Q. Khi gặp anh T1, Q sử dụng một khẩu súng loại đồ chơi nguy hiểm có hình dạng giống vũ khí quân dụng; T sử dụng một con dao tự chế (lưỡi dao bằng inox dài 60cm, cán dao bằng gỗ dài 20cm do Q chuẩn bị) đe dọa, uy hiếp và chiếm đoạt của T1 bảy con gà và bảy con chim chào mào trị giá 2.588.000đ (Hai triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng) đồng thời bắt và giữ T1 đến 20 giờ ngày 24/11/2019, Công an thị trấn Dầu Giây bắt quả tang đối với T. Ngày 25/11/2019, Q đến Công an huyện Thống Nhất để đầu thú về hành vi phạm tội.

Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của Lê Thanh T phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cướp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Đối với Mai Đức Q, đã có hai tiền án về tội rất nghiêm trọng nhưng chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý nên hành vi của Q phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự và tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung là *“Tái phạm nguy hiểm”* quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Còn Bảo Th2, khi T nhờ Th2 chở đi công việc thì Th2 hoàn toàn không biết mục đích sẽ chở T đi đâu và làm gì (không có sự bàn bạc) nhưng Th2 vẫn đồng ý chở T đi. Khi đến nơi, Th2 chỉ ở ngoài đợi nhưng khi T nói Th2 phụ bắt gà và chim chào mào của anh T1 thì Th2 không có ý kiến gì và đồng ý bắt gà và chim chào mào của anh T1 đưa lên xe cho Q và chở hai chiếc lồng chim cùng T về nhà của Q. Tuy nhiên, Th2 không tham gia cùng Q và T bắt, giữ anh T1. Như vậy, hành vi của Th2 phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

Khoản 1, 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

h) Tái phạm nguy hiểm.”

Như vậy, Cáo trạng số 07/CT.VKS-TN ngày 31/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo Mai Đức Q, Lê Thanh T và Bảo Th2 về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo:* Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền tự do, dân chủ của công dân nói chung cũng như quyền bất khả xâm phạm về thân thể của người khác và quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần có mức án đủ nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả hành vi mà các bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

[4.1] *Xét về nhân thân của các bị cáo:*

- Bị cáo Th2 có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.
- Các bị cáo Q và T có nhân thân xấu thể hiện qua việc các bị cáo đã có tiền án hoặc đã từng bị kết án về hành vi vi phạm pháp luật.

[4.2] *Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

- Đối với bị cáo Q: Tình tiết “*Tái phạm nguy hiểm*” đã được áp dụng là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự nên không áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.
- Các bị cáo T và Th2 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.3] *Xét về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:*

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo giúp cho quá trình điều tra vụ án sớm có kết quả và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn (2.588.000 đồng) nên xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Q, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

- Đối với bị cáo Th2, đây là lần phạm tội đầu, bản thân bị cáo lại là lao động chính trong gia đình, hiện nuôi hai con nhỏ và nuôi mẹ già bị bệnh ung thư (có giấy khai sinh con và hồ sơ bệnh án đính kèm), hiện hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương) nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5] *Về quyết định hình phạt:*

Bị cáo Q là người khởi xướng, lên kế hoạch, chuẩn bị công cụ và là người trực tiếp thực hiện việc khống chế bắt, giữ và chiếm đoạt tài sản của bị hại. Còn bị cáo T tham gia với vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo Q, tìm nơi ở của bị hại, tham gia bắt, giữ và chiếm đoạt tài sản của bị hại theo sự chỉ đạo của Q. Còn bị cáo Th2 thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức (thứ yếu) và không được hưởng lợi ích vật chất từ việc chiếm đoạt tài sản. Do đó, khi phân hóa hình phạt cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự, quyết định hình phạt đối với bị cáo Q cần nghiêm khắc hơn hai bị cáo còn lại và hình phạt của bị cáo T cao hơn bị cáo Th2 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Tuy nhiên, các bị cáo Q và Th2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, cần tiếp tục cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để các bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm” và tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền ...”, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người không có chức vụ; không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án*:

- Một súng đồ chơi nguy hiểm và một con dao tự chế là công cụ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Bảy con gà và bảy con chim chào mào là tài sản của bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho chủ sở hữu là phù hợp.

- Một xe mô tô Bảo Th2 mượn của bạn (không xác định được nhân thân, lý lịch chủ xe, biển số xe). Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất không thu giữ được nên tách ra để tiếp tục xác minh, làm rõ.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị cáo Q đã tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền là 2.000.000 đồng và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] *Về các vấn đề khác*:

- Đối với số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng), theo bị hại khai Mai Đức Q cho bị hại vay với lãi suất là 60%/tháng. Quá trình điều tra không thu thập được giấy ghi nợ giữa hai bên và không thu thập được tài liệu chứng minh việc cho vay lãi suất cao như lời khai của bị hại. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Thống Nhất không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Q về hành vi cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

- Đối với tài xế xe taxi chở bị cáo Q đi đến nơi ở của bị hại, các bị cáo đều khai không biết nhân thân, lý lịch của tài xế taxi và không nhớ biển số xe. Mặt khác, khi tài xế taxi chở các bị cáo đến phòng trọ của bị hại thì tài xế đậu xe ngoài khu vực phòng trọ nên không chứng kiến sự việc và không biết các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra, không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh việc tài xế taxi có liên quan trong vụ cướp tài sản hay bắt, giữ người trái pháp luật trên nên chưa đủ cơ sở để xử lý hành vi không tố giác tội phạm hay vai trò đồng phạm của tài xế lái xe taxi trong vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[10] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và đề xuất về hình phạt đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Tuy nhiên, việc đề xuất áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Q và T không phù hợp với nhận định trên nên không chấp nhận.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 157; Điều 168; Điều 38; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Mai Đức Q (tên gọi khác: C) và bị cáo Lê Thanh T (tên gọi khác: G) phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và tội “Cướp tài sản”.

- điểm h khoản 2 Điều 168; điểm b khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Đức Q 06 (Sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 05 (Năm) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/11/2019.

- khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thanh T 06 (Sáu) tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và 03 (Ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/11/2019.

- khoản 1 Điều 168 và Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bảo Th2 (tên gọi khác: Nh) phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bảo Th2 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/3/2020.

2. Về vật chứng vụ án: Tịch thu và tiêu hủy một súng đồ chơi và một con dao tự chế (*Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/5/2020 giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất*).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Mai Đức Q, Lê Thanh T và Bảo Th2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thùy Trang